

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2025/DS - PT**

Ngày: 24 - 04 - 2025

V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Quang Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Văn Túc

Bà Bạch Thị Hồng Hoa

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thúy Hằng -Thư ký TAND tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình:** Ông Hoàng Xuân Tân  
- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLPT- DS ngày 02/01/2025 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ tài sản trên đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Vũ Văn V, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ A, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình.

**- Bị đơn:** Bà Bùi Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

**- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ UBND huyện L, tỉnh Hoà Bình.

+ UBND huyện K, tỉnh Hoà Bình.

+ Chị Bùi Thị Thu T; sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

+ Ông Nguyễn Văn C (tên gọi khác Nguyễn Văn T1), sinh năm 1968; địa chỉ: Khu S, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Công ty TNHH MTV M; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T2 – Giám đốc; đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Quốc T3 - Phó giám đốc công ty (Theo văn bản uỷ quyền số 01/2024/UQ-MARS ngày 19/4/2024).

Đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Phạm Thanh H– chuyên viên xử lý nợ. Theo văn bản uỷ quyền số 1521/2025/UQ-MARS ngày 22/4/2025.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á trình bày:***

Năm 2007 bà Nguyễn Thị Á có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T1) một thửa đất thổ cư diện tích 120m<sup>2</sup> tại thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình nay là thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình, thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông tiếp giáp đường B
- Phía Tây tiếp giáp đất hộ ông Nguyễn Văn C
- Phía Nam tiếp giáp hộ bà N
- Phía Bắc tiếp giáp hộ ông Nguyễn Văn C

Sau khi mua bán chuyển nhượng xong ông C đã giao đất cho bà Á, hai bên đã hoàn tất các thủ tục mua bán chuyển nhượng, nộp nghĩa vụ tài chính và tách đất. Ngày 25/5/2007 bà Nguyễn Thị Á đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AD974228 vào sổ cấp GCN số H00071 do UBND huyện K, tỉnh Hoà Bình cấp, mang tên Nguyễn Thị Ánh . Phần diện tích đất 120m<sup>2</sup> này nằm trong tổng diện tích đất 744m<sup>2</sup> ông C đã được Nhà nước công nhận QSD đất theo Giấy chứng nhận QSD đất số M682206 vào sổ cấp số 000.11/QSDĐ do UBND huyện K cấp ngày 11/9/1998 tên Nguyễn Văn C.

Do chưa có nhu cầu sử dụng nên bà Á vẫn để đất trống, đến năm 2023 bà Á có nhu cầu sử dụng đất thì phát hiện gia đình bà Bùi Thị N sử dụng diện tích đất và đã xây dựng tài sản trên đất của gia đình bà, ngăn cản không cho gia đình bà Á sử dụng thửa đất đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho bà Á. Nay bà Á khởi kiện yêu cầu bà N phải trả lại diện tích 120m<sup>2</sup> đất theo GCNQSD đất thửa đất số 99 tờ bản đồ 01 tại thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình và tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất của gia đình bà.

***Bị đơn bà Bùi Thị N trình bày:***

Năm 1989 bà Bùi Thị N được cấp một thửa đất tại thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình diện tích đất là 1488m<sup>2</sup>, gia đình bà N xây nhà và ở trên đất đó.

Đến năm 1992 chồng bà N chết, còn lại bà N ở trên đất. Năm 1995 bà N bị Công an huyện K bắt tạm giam 7 tháng sau đó được trả tự do về tiếp tục sinh sống trên đất đó. Năm 2002 bà N bị đi tù cải tạo đến năm 2011 trở về địa phương sinh sống một thời gian sau thì được biết một phần đất của bà N được UBND huyện K cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Văn T1. Trong khi đó bà N không chuyển nhượng đất cho ông T1, hợp đồng chuyển nhượng đất mà ông T1 xuất trình là không có căn cứ pháp lý. Việc UBND huyện K cấp GCNQSD đất cho ông T1 là không đúng, cấp không dựa trên cơ sở việc chuyển nhượng mà cấp diện cấp mới, ông T1 (Chiêm) không có tên trong danh sách cấp GCNQSD đất. Việc cấp giấy không có cơ sở pháp lý còn thể hiện tại GCNQSD đất của bà N hiện vẫn còn nguyên diện tích 1488m<sup>2</sup> mà không có chỉnh lý. Trong giấy chuyển nhượng không đúng hướng theo thửa đất, những người ký tên làm chứng không có mặt tại thời điểm lập giấy tờ. Bà N từ trước tới nay vẫn thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước đối với toàn bộ diện tích 1488 m<sup>2</sup>. Do đó, từ năm 2019 bà đã không đồng ý với bản án sơ thẩm của TAND huyện Lương Sơn và bản án phúc thẩm của TAND tỉnh Hòa Bình. Đến nay, bà N cho rằng đất không phải của ông T1 nên ông T1 không có quyền chuyển nhượng đất cho bà Á và bà Á không có quyền kiện đòi 120m<sup>2</sup> đất. Vì vậy bà N không đồng ý với yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại đất cho bà Á.

Ngày 14/6/2024 bà Bùi Thị N có yêu cầu phản tố đề nghị Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Ánh .

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Ông Nguyễn Văn C: Năm 2007 ông C có chuyển nhượng cho bà Á diện tích 120m<sup>2</sup> đất ở thửa số 24B tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất chuyển nhượng là thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Diện tích đất này nằm trong diện tích 744m<sup>2</sup>, thửa số 24, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận số M682206 do UBND huyện K cấp ngày 11/9/1998 mang tên Nguyễn Văn C). Việc mua bán chuyển nhượng giữa ông T1 với bà Á đã bàn giao mốc giới và hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật đất đai. Nay bà Á có đơn khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị N trả lại diện tích đất và tháo dỡ công trình trên đất. Tôi đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Công ty cổ phần M:

Năm 2018 bà Bùi Thị N và Ngân hàng TMCP V1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp QSD thửa đất số 24 tờ bản đồ 01 tại S, xã T, L, Hòa Bình. Ngày 29/12/2023 Ngân hàng TMCP V1 đã bán khoản nợ của bà Bùi Thị N cho Công ty TNHH MTV M theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-MARS. Công ty M yêu cầu bà N trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lại, tiền chậm trả và các khoản phát sinh liên quan đến hợp đồng; trường hợp bà N không thực hiện trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Công ty M có quyền yêu cầu kê

biên, phát mại tài sản đảm bảo là số 24 tờ bản đồ 01 trong đó có 120m<sup>2</sup> đất Nguyễn Thị Ánh .

- Chị Bùi Thị Thu T: Tài sản chị xây dựng trên đất của gia đình gồm 01 nhà tạm lợp tôn, nền lát gạch và các tài sản khác. Bà Á khởi kiện yêu cầu gia đình trả diện tích đất 120m<sup>2</sup> và tháo dỡ các tài sản trên đất chị không đồng ý vì cho rằng chị đang sử dụng đất của nhà chị.

- Đại diện UBND huyện K: Toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Á đã chuyển cho UBND huyện L quản lý hiện UBND huyện K không còn lưu giữ.

- Đại diện UBND huyện L: UBND huyện L đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân.

Bản án số 13/2024/DS- ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, quyết định: Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Điều 164, 169 của Bộ luật dân sự năm 2015 Điều 166, điều 203 Luật đất đai; Khoản 1 Điều 147, Điều 164, Điều 165, Điều 271, Điều 273 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh . Buộc bà Bùi Thị N phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh T4 đất số 99 tờ bản đồ 01, diện tích 120m<sup>2</sup> tại thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Buộc bà Bùi Thị N và chị Bùi Thị Thu T phải tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản đã xây dựng trên thửa đất để trả lại cho bà Nguyễn Thị Á diện tích là 120m<sup>2</sup> tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 01 tại thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Bác yêu cầu của bà Bùi Thị N về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ánh . Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01 tháng 10 năm 2024, bà Bùi Thị N kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hủy toàn bộ bản án số 13/2024/DS- ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện L có văn bản số 215/UBND-TNMT ngày 07/02/2025 nêu ý kiến: UBND huyện L đã ra Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị N (Thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số A931941 vào sổ cấp GCN số 9227/QSDĐ do UBND huyện K cấp ngày 09/5/1996 tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.488m<sup>2</sup>. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Đại diện Công ty cổ phần M trình bày: Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm Công ty M yêu cầu bà N trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lại, tiền chậm trả và các khoản phát sinh liên quan đến hợp đồng, bản án sơ thẩm đã nhận định yêu cầu của công ty là tranh chấp hợp đồng tín dụng, sẽ được giải quyết ở vụ kiện khác khi có tranh chấp, công ty đồng ý không có kháng cáo về nội dung này.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N, giữ nguyên các nội dung quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS - ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1]. Về tố tụng:**

Cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ, nên được chấp nhận để xem xét.

Người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo và những người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]. Xét kháng cáo của bà Bùi Thị N:**

2.1. Về nội dung vụ kiện: Bà Nguyễn Thị Á căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD974228, vào sổ cấp GCN số H00071 do UBND huyện K, tỉnh Hoà Bình cấp ngày 25/5/2007 tên Nguyễn Thị Á để yêu cầu bà Bùi Thị N phải phải trả lại diện tích 120m<sup>2</sup> đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Á đã được cấp và buộc phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất của gia đình bà. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của bà Á. Bà N kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

### 2.1. Về việc bà Bùi Thị N chuyển nhượng đất cho ông C:

Tại bản án số 08/2019/DS-PT ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã nhận định:

“Theo biên bản chuyển nhượng đất lập ngày 18/02/1995 và Giấy biên nhận tiền mặt đề ngày 30/5/1995 có nội dung thể hiện bên chuyển nhượng đất là bà Bùi Thị N, bên nhận chuyển nhượng là bà Bạch Thị D (vợ ông T1) và ông Bạch Công N1 (bố vợ ông T1) đồng thời có đại diện UBND xã T, cán bộ quản lý ruộng đất của xã, cán bộ ban Q ký nhận và chứng kiến việc chuyển nhượng.

Mặc dù bà N không thừa nhận chữ ký và chữ viết của mình trong biên bản chuyển nhượng đất lập ngày 18/2/1995 và Giấy biên nhận tiền mặt đề ngày 30/5/1995, nhưng tại kết luận giám định ngày 14/7/2014 của V2, Bộ C2 và Bản kết luận giám định ngày 24/01/2013 của Phòng K công an tỉnh H kết luận: Chữ viết trên giấy biên nhận, nhận tiền mặt ghi ngày 30/5/1995 là do Bùi Thị N viết ra. Việc bà N cho rằng khoảng thời gian được ghi trong giấy chuyển nhượng đất bà N đang bị tạm giam tại Công an huyện K. Theo xác minh tại Công an huyện K thì bà N bị bắt tạm giữ khẩn cấp từ ngày 22/8/1995 đến ngày 28/11/1995 được tại ngoại và tạm đình chỉ vụ án.

Có đủ cơ sở để khẳng định năm 1995 bà Bùi Thị N đã chuyển nhượng diện tích 744m<sup>2</sup> đất tại thôn S, huyện K, tỉnh Hòa Bình cho bà Bạch Thị D (vợ ông Thịnh C1). Ông C1 đã được Nhà nước công nhận QSD đất theo Giấy chứng nhận QSD đất số M682206 vào sổ cấp số 000.11/QSDĐ do UBND huyện K cấp ngày 11/9/1998 tên Nguyễn Văn C”.

Theo khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh (b) Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy có căn cứ để xác định bà Bùi Thị N đã chuyển nhượng diện tích 744m<sup>2</sup> đất tại thôn S, huyện K, tỉnh Hòa Bình cho bà Bạch Thị D (vợ ông Thịnh C1). Thực tế bà N đã thực hiện việc trả lại đất cho ông C1 624m<sup>2</sup> như bản án số 08/2019/DS-PT ngày 21/5/2019 đã tuyên xử.

### 2.2. Về việc ông C1 chuyển nhượng đất cho bà Á:

Quá trình giải quyết vụ án ông C1 xác định đã chuyển nhượng 120m<sup>2</sup> đất cho bà Á (Phần diện tích đất 120m<sup>2</sup> này nằm trong tổng diện tích đất 744m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M682206 vào sổ cấp số 000.11/QSDĐ do UBND huyện K cấp ngày 11/9/1998 tên Nguyễn Văn C và không tranh chấp gì với bà Á. Việc chuyển nhượng đất giữa hai bên là đúng pháp luật. GCNQSD đất đã cấp cho bà Á là hợp pháp.

2.3. Bà Bùi Thị N cho rằng hiện nay bà vẫn là chủ sử dụng đất hợp pháp của diện tích đất 1488,0m<sup>2</sup> theo GCNQSD đất số A931941 do UBND huyện K cấp ngày 09.5.1996 là không có căn cứ bởi lẽ:

Căn cứ vào bản án số 08/2019/DS-PT ngày 21/5/2019 của TAND tỉnh Hòa Bình về việc Kiến nghị UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình điều chỉnh giảm trừ diện tích đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 931941 được cấp ngày 09/5/1996 của bà Bùi Thị N cho đúng với diện tích đất còn lại sau khi đã chuyển nhượng. UBND huyện L đã ra Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 về việc thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số A931941 vào sổ cấp GCN số 9227/QSDĐ do UBND huyện K cấp ngày 09/5/1996 tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.488m<sup>2</sup> của bà Bùi Thị N.

#### 2.4. Về quyền yêu cầu bà N trả lại đất:

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2023 xác định Thửa đất số 99, tờ bản đồ 01, diện tích 120m<sup>2</sup> địa chỉ tại thôn S, xã T, huyện K nay là xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình đã được UBND huyện K cấp giấy CNQSD đất ngày 25/5/2007, tên bà Nguyễn Thị Á, bà N và chị T xây dựng tài sản trên đất của bà Á là không hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T cùng với bà N tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản trả lại 120m<sup>2</sup> đất cho bà Nguyễn Thị Á là có cơ sở.

Chi tiết theo bản trích đo ngày 10/9/2024 của Chi nhánh văn phòng đất đai huyện L: Tổng diện tích đo 122,1m<sup>2</sup> (ONT: 120m<sup>2</sup>, CLN'' 0,8m<sup>2</sup>, DGT: 1,3m<sup>2</sup>), diện tích nằm trong QHHLGT là 23,2m<sup>2</sup>.

[3]. Về nội dung yêu cầu của Công ty M: Cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu của Công ty M với bà N là tranh chấp hợp đồng tín dụng do vậy quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng khi phát sinh tranh chấp không liên quan đến việc giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất này nên không có căn cứ để xem xét giải quyết yêu cầu của Công ty M trong cùng vụ án này. Trường hợp, Công ty M có đơn khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Công ty M nhất trí không kháng cáo và trình bày ý kiến tại phúc thẩm là Công ty M khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác như án sơ thẩm đã nêu.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới được pháp luật chấp nhận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/ DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001395 ngày 07/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (24/4/2025)./

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- TAND huyện Lương Sơn ;
- Chi cục THADS H. Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Quang Tuấn**

